

## **Thủ tục hoàn thuế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu**

### **1. Trình tự thực hiện**

- Bước 1: *Người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế đến cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục hải quan.*
- Bước 2: *Cơ quan hải quan nơi làm thủ tục có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và thông báo kết quả cho người nộp hồ sơ biết.*
- Bước 3: *Ban hành quyết định hoàn thuế.*

### **2. Cách thức thực hiện**

- Nộp trực tiếp tại cơ quan hải quan;
- Nộp bằng đường bưu chính;
- *Gửi qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan hải quan.*

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

#### **3.1. Thành phần hồ sơ**

##### **a) Hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu phải tái nhập**

- *Công văn yêu cầu hoàn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu hoặc nhập khẩu gửi qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan hải quan theo các tiêu chí thông tin tại Mẫu số 01 Phụ lục VIIa hoặc công văn yêu cầu hoàn thuế xuất khẩu, nhập khẩu theo Mẫu số 09 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 18/2021/NĐ-CP: 01 bản chính.*

- Chứng từ thanh toán hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với trường hợp đã thanh toán: *01 bản chụp.*

- Hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu và hóa đơn theo hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu đối với trường hợp mua, bán hàng hóa; hợp đồng ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu nếu là hình thức xuất khẩu, nhập khẩu ủy thác (nếu có): *01 bản chụp.*

- Đối với hàng hóa phải nhập khẩu trở lại do khách hàng nước ngoài từ chối nhận hàng hoặc không có người nhận hàng theo thông báo của hãng vận tải, phải có thêm thông báo của khách hàng nước ngoài hoặc văn bản thỏa thuận với khách hàng nước ngoài về việc nhận lại hàng hóa hoặc văn bản thông báo của hãng vận tải về việc không có người nhận hàng có nêu rõ lý do, số lượng, chủng loại hàng hóa trả lại đối với trường hợp hàng hóa do khách hàng trả lại: *01 bản chụp.*

Trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc người nộp thuế tự phát hiện hàng hóa có sai sót, nhập khẩu trở lại thì không phải có văn bản này nhưng phải nêu rõ lý do nhập khẩu hàng hóa trả lại trong công văn đề nghị hoàn thuế;

- Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu nêu tại điểm b khoản 1 Điều 33 Nghị

định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ phải nộp thêm văn bản thông báo của doanh nghiệp bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế về việc không giao được cho người nhận: *01 bản chụp.*

**b) Hoàn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu phải tái xuất**

- Công văn yêu cầu hoàn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu hoặc nhập khẩu gửi qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan hải quan theo các tiêu chí thông tin tại Mẫu số 01 Phụ lục VIIa hoặc công văn yêu cầu hoàn thuế xuất khẩu, nhập khẩu theo Mẫu số 09 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 18/2021/NĐ-CP: *01 bản chính.*

- Hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn bán hàng theo quy định của pháp luật về hóa đơn hoặc hoá đơn thương mại: *01 bản chụp*

- Chứng từ thanh toán hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với trường hợp đã thanh toán: *01 bản chụp.*

- Hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu và hóa đơn theo hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu đối với trường hợp mua, bán hàng hóa; hợp đồng ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu nếu là hình thức xuất khẩu, nhập khẩu ủy thác (nếu có): *01 bản chụp.*

- Văn bản thỏa thuận trả lại hàng hóa cho phía nước ngoài trong trường hợp xuất trả chủ hàng nước ngoài ban đầu đối với hàng hóa nhập khẩu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 34 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP: *01 bản chụp.*

- Văn bản thông báo của doanh nghiệp bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế về việc không giao được cho người nhận đối với hàng hóa nhập khẩu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 34 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP: *01 bản chụp.*

- Văn bản xác nhận của doanh nghiệp cung ứng tàu biển về số lượng, trị giá hàng hóa mua của doanh nghiệp đầu mỗi nhập khẩu đã thực cung ứng cho tàu biển nước ngoài kèm bảng kê chứng từ thanh toán của các hãng tàu biển nước ngoài đối với hàng hóa nhập khẩu quy định tại điểm c khoản 1 Điều 34 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP: *01 bản chính.*

**c) Hoàn thuế đối với máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất**

- Công văn yêu cầu hoàn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu hoặc nhập khẩu gửi qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan hải quan theo các tiêu chí thông tin tại Mẫu số 01 Phụ lục VIIa hoặc công văn yêu cầu hoàn thuế xuất khẩu, nhập khẩu theo Mẫu số 09 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 18/2021/NĐ-CP: *01 bản chính.*

- Chứng từ thanh toán hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với trường hợp đã thanh toán: *01 bản chụp.*

- Hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu và hóa đơn theo hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu đối với trường hợp mua, bán hàng hóa; hợp đồng ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu nếu là hình thức xuất khẩu, nhập khẩu ủy thác: *01 bản chụp*.

**d) Hoàn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh nhưng đã xuất khẩu sản phẩm**

- Công văn yêu cầu hoàn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu hoặc nhập khẩu gửi qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan hải quan theo các tiêu chí thông tin tại Mẫu số 01 Phụ lục VIIa hoặc công văn yêu cầu hoàn thuế xuất khẩu, nhập khẩu theo Mẫu số 09 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 18/2021/NĐ-CP: *01 bản chính*.

- Chứng từ thanh toán hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với trường hợp đã thanh toán: *01 bản chụp*.

- Hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu và hóa đơn theo hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu đối với trường hợp mua, bán hàng hóa; hợp đồng ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu nếu là hình thức xuất khẩu, nhập khẩu ủy thác: *01 bản chụp*.

Người nộp thuế kê khai trên tờ khai hải quan hàng xuất khẩu các thông tin về số, ngày hợp đồng, tên đối tác mua hàng hóa.

- Báo cáo tính thuế nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu (theo Mẫu số 10 tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 18/2021/NĐ-CP).

Số tiền thuế nhập khẩu của nguyên liệu, vật tư, linh kiện được hoàn thuế phải tương ứng với số lượng, chủng loại nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu thực tế được sử dụng để sản xuất sản phẩm thực tế đã xuất khẩu;

- Hợp đồng gia công ký với khách hàng nước ngoài (đối với trường hợp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, linh kiện để sản xuất sản phẩm, sau đó sử dụng sản phẩm này để gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng gia công với nước ngoài): *01 bản chụp*.

- Tài liệu chứng minh có cơ sở sản xuất trên lãnh thổ Việt Nam; có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối với máy móc, thiết bị tại cơ sở sản xuất phù hợp với nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa: *01 bản chụp*.

**e) Hoàn thuế đối với trường hợp người nộp thuế đã nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu nhưng không có hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu hoặc nhập khẩu, xuất khẩu ít hơn so với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu đã nộp thuế**

*Công văn yêu cầu hoàn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu hoặc nhập khẩu gửi qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan hải quan theo các tiêu chí thông tin tại Mẫu số 01 Phụ lục VIIa hoặc công văn yêu cầu hoàn thuế xuất khẩu, nhập khẩu theo Mẫu số 09 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 18/2021/NĐ-CP: 01 bản chính.*

**3.2 Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

#### **4. Thời hạn giải quyết**

- Thực hiện theo quy định tại Điều 75 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14:

*Đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước, chậm nhất là 06 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan quản lý thuế có thông báo về việc chấp nhận hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế, cơ quan quản lý thuế phải quyết định hoàn thuế cho người nộp thuế hoặc thông báo chuyển hồ sơ của người nộp thuế sang kiểm tra trước hoàn thuế nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 73 của Luật này hoặc thông báo không hoàn thuế cho người nộp thuế nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoàn thuế. Trường hợp thông tin khai trên hồ sơ hoàn thuế khác với thông tin quản lý của cơ quan quản lý thuế thì cơ quan quản lý thuế thông báo bằng văn bản để người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin. Thời gian giải trình, bổ sung thông tin không tính trong thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế.*

*Đối với hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế, chậm nhất là 40 ngày kể từ ngày cơ quan quản lý thuế có thông báo bằng văn bản về việc chấp nhận hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế, cơ quan quản lý thuế phải quyết định hoàn thuế cho người nộp thuế hoặc không hoàn thuế cho người nộp thuế nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoàn thuế*

- Đối với doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12/05/2015 của Bộ Tài chính và Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019 của Bộ Tài chính: Thời gian ra quyết định hoàn thuế không quá 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hoàn thuế hợp lệ của doanh nghiệp.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục hải quan.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan hải quan ban hành quyết định hoàn thuế hoặc thông báo cho người nộp thuế biết lý do không thuộc đối tượng hoàn thuế.

**8. Phí, lệ phí:** Không.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

- Mẫu số 09 tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 18/2021/NĐ-CP - Công văn đề nghị hoàn thuế.

- Mẫu số 10 tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 18/2021/NĐ-CP - Báo cáo tính thuế nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**

**10.1. Hàng hóa xuất khẩu đã nộp thuế xuất khẩu nhưng phải tái nhập được hoàn thuế xuất khẩu và không phải nộp thuế nhập khẩu, gồm:**

- Hàng hóa đã xuất khẩu nhưng phải nhập khẩu trở lại Việt Nam;
- Hàng hóa xuất khẩu do tổ chức, cá nhân ở Việt Nam gửi cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài thông qua dịch vụ bưu chính và dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế đã nộp thuế nhưng không giao được cho người nhận hàng hóa, phải tái nhập.

**10.2. Hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế nhập khẩu nhưng phải tái xuất được hoàn thuế nhập khẩu và không phải nộp thuế xuất khẩu, gồm:**

- Hàng hóa nhập khẩu nhưng phải tái xuất ra nước ngoài hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan để sử dụng trong khu phi thuế quan.

Việc tái xuất hàng hóa phải được thực hiện bởi người nhập khẩu ban đầu hoặc người được người nhập khẩu ban đầu ủy quyền, ủy thác xuất khẩu;

- Hàng hóa nhập khẩu do tổ chức, cá nhân ở nước ngoài gửi cho tổ chức, cá nhân ở Việt Nam thông qua dịch vụ bưu chính và dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế đã nộp thuế nhưng không giao được cho người nhận hàng hóa, phải tái xuất;
- Hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế sau đó bán cho các phương tiện của các hãng nước ngoài trên các tuyến đường quốc tế qua cảng Việt Nam và các phương tiện của Việt Nam trên các tuyến đường quốc tế theo quy định;
- Hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế nhập khẩu nhưng còn lưu kho, lưu bãi tại cửa khẩu và đang chịu sự giám sát của cơ quan hải quan được tái xuất ra nước ngoài.

**10.3. Trường hợp hoàn thuế đối với máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất**

Người nộp thuế có trách nhiệm tự kê khai, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tỷ lệ mức khấu hao, phân bổ trị giá hàng hóa trong thời gian sử dụng và lưu lại tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về kế toán khi đề nghị cơ quan hải quan hoàn thuế để làm cơ sở tính tỷ lệ trị giá sử dụng còn lại của hàng hóa.

Người nộp thuế có trách nhiệm kê khai chính xác, trung thực trên tờ khai hải quan về hàng hóa tái xuất là hàng hóa nhập khẩu trước đây; các thông tin về số, ngày hợp đồng, tên đối tác mua hàng hóa.

Cơ quan hải quan có trách nhiệm kiểm tra nội dung khai báo của người nộp thuế, ghi rõ kết quả kiểm tra để phục vụ cho việc giải quyết hoàn thuế

**10.4. Trường hợp hoàn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh nhưng đã xuất khẩu sản phẩm**

- Trường hợp người nộp thuế đã nộp thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh nhưng đã đưa vào sản xuất hàng hóa xuất khẩu và đã xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài, hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan thì được hoàn thuế nhập khẩu đã nộp.

- Hàng hóa nhập khẩu được hoàn thuế nhập khẩu, bao gồm:

+ Nguyên liệu, vật tư (bao gồm cả vật tư làm bao bì hoặc bao bì để đóng gói sản phẩm xuất khẩu), linh kiện, bán thành phẩm nhập khẩu trực tiếp cấu thành sản phẩm xuất khẩu hoặc tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất hàng hóa xuất khẩu nhưng không trực tiếp chuyển hóa thành hàng hóa;

+ Sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để gắn, lắp ráp vào sản phẩm xuất khẩu hoặc đóng chung thành mặt hàng đồng bộ với sản phẩm xuất khẩu;

+ Linh kiện, phụ tùng nhập khẩu để bảo hành cho sản phẩm xuất khẩu.

- Cơ sở để xác định hàng hóa được hoàn thuế:

+ Tổ chức, cá nhân sản xuất hàng hóa xuất khẩu có cơ sở sản xuất hàng hóa xuất khẩu trên lãnh thổ Việt Nam; có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối với máy móc, thiết bị tại cơ sở sản xuất phù hợp với nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu;

+ Trị giá hoặc lượng nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu được hoàn thuế là trị giá hoặc lượng nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu thực tế được sử dụng để sản xuất sản phẩm thực tế xuất khẩu;

+ Sản phẩm xuất khẩu được làm thủ tục hải quan theo loại hình sản xuất xuất khẩu;

+ Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc ủy thác nhập khẩu hàng hóa, xuất khẩu sản phẩm.

### **10.5. Hoàn thuế đối với trường hợp người nộp thuế đã nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu nhưng không có hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu hoặc nhập khẩu, xuất khẩu ít hơn so với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu đã nộp thuế; không hoàn thuế đối với trường hợp có số tiền thuế tối thiểu**

- Người nộp thuế đã nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu nhưng không có hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu hoặc nhập khẩu, xuất khẩu ít hơn so với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu đã nộp thuế được hoàn thuế nhập khẩu hoặc thuế xuất khẩu đã nộp tương ứng với hàng hóa thực tế không xuất khẩu, nhập khẩu hoặc xuất khẩu, nhập khẩu ít hơn.

- Các trường hợp thuộc diện được hoàn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định tại Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được, có số tiền thuế được hoàn dưới 50.000 đồng Việt Nam theo tờ khai hải quan làm thủ tục hoàn thuế thì không được hoàn thuế. Cơ quan hải quan không tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế và không hoàn trả số tiền thuế được hoàn theo quy định tại khoản này.

Người nộp thuế có trách nhiệm kê khai chính xác, trung thực trên tờ khai hải quan về hàng hóa tái xuất là hàng hóa nhập khẩu trước đây; các thông tin về số, ngày hợp đồng, tên đối tác mua hàng hóa.

## **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Hải quan 54/2014/QH13.
- Điều 19 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13.
- *Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.*
- Từ Điều 33 đến Điều 37 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.
- Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/04/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.
- Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12/05/2015 của Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp.
- *Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.*



						<b>nước</b>				
<b>(1)</b>	<b>(2)</b>	<b>(3)</b>	<b>(4)</b>	<b>(5)</b>	<b>(6)</b>	<b>(7)</b>	<b>(8)</b>	<b>(9)</b>	<b>(10)</b>	<b>(11)</b>
<b>Tổng cộng:</b>										

(Bằng chữ:...)

2. Lý do đề nghị hoàn thuế: ...<sup>(3)</sup>

3. Thông tin về hàng hóa đề nghị hoàn thuế:

3.1. Thực hiện thanh toán qua Ngân hàng:

Có, số chứng từ thanh toán:

Không.

3.2. Hàng hóa chưa qua sử dụng, gia công, chế biến

Có

Không

3.3. Đối với máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất

a) Thời gian sử dụng và lưu lại tại Việt Nam:

b) Tỷ lệ mức khấu hao, phân bổ trị giá hàng hóa:

c) Thực hiện theo hình thức thuê

Có

Không

d) Giá tính thuế nhập khẩu tính trên giá đi thuê, đi mượn:<sup>(4)</sup>

Có.

Không.

4. Hình thức hoàn trả

4.1. Bù trừ cho số tiền thuế, thu khác còn nợ (cột 9) thuộc tờ khai hải quan số... ngày...

4.2. Bù trừ vào số tiền thuế phải nộp (cột 10) thuộc tờ khai hải quan số... ngày...

4.3. Hoàn trả trực tiếp (cột 11):

Số tiền hoàn trả: Bằng số: ...

Bằng chữ: ...

Trong đó:

Chuyển khoản: Tài khoản số:... Tại Ngân hàng (Kho bạc nhà nước)...

Tiền mặt: Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước ....

Hồ sơ, tài liệu kèm theo:...<sup>(5)</sup>

Tổ chức/cá nhân cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ HẢI QUAN**

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP  
PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Họ và tên:...

*(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))*

Chứng chỉ hành nghề số:...

***Ghi chú:***

- <sup>(1)</sup> Đối với cá nhân: Bỏ trống.
- <sup>(2)</sup> Tên cơ quan có thẩm quyền hoàn thuế.
- <sup>(3)</sup> Ghi rõ lý do và điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng.
- <sup>(4)</sup> Trường hợp máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất khi tạm nhập giá tính thuế nhập khẩu được tính trên giá đi thuê, đi mượn thì không thuộc các trường hợp được hoàn thuế.
- <sup>(5)</sup> Liệt kê tài liệu kèm theo.

**BÁO CÁO TÍNH THUẾ NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ ĐỀ NGHỊ HOÀN THUẾ NHẬP KHẨU**

(Kèm theo công văn đề nghị hoàn thuế số .... ngày ....)

Tên người nộp thuế: ...

Mã số thuế: ... Địa chỉ: ...

Số, ngày Hợp đồng nhập khẩu: ...

Số, ngày Hợp đồng xuất khẩu: ...

STT	Tờ khai nhập khẩu nguyên liệu, vật tư (NL, VT)							Tờ khai xuất khẩu sản phẩm				Mã nguyên liệu, vật tư nhập khẩu	Mã sản phẩm xuất khẩu	Lượng NL, VT sử dụng cho sản phẩm xuất khẩu	Định mức sử dụng thực tế	Số tiền thuế nhập khẩu đã nộp	Số tiền thuế đề nghị hoàn/không thu	Ghi chú
	Số, ngày tờ khai hải quan	Tên nguyên liệu, vật tư theo tờ khai hải quan	Đơn vị tính	Lượng	Trị giá tính thuế	Thuế suất thuế nhập khẩu	Số tiền thuế nhập khẩu phải nộp	Số, ngày tờ khai hải quan	Tên sản phẩm theo tờ khai hải quan	Đơn vị tính	Lượng							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)

..., ngày... tháng...năm...

**NGƯỜI NỘP THUẾ (hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN  
HỢP PHÁP  
CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ)**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)